TÒA ÁN NHÂN D **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân D: 1/ Ông Ngô Đình Bảo Thiện

2/ Ông Nguyễn Thành Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trinh - Thư ký Tòa án nhân D huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân D huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991

Bị đơn: Anh Từ Sỹ Minh T, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2023, bản khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Từ Sỹ Minh T cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân D thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc theo giấy đăng ký kết hôn số 64 ngày 01/6/2009. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, không ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng ý. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn, chăm lo cho gia đình và nuôi dạy con cái. Sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan T nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan T đến vợ con, mỗi lần nhậu về là chửi bới, xúc phạm và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng anh T vẫn chứng nào tật đó, không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Từ Sỹ Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Từ Sỹ Minh T1, sinh ngày 12/12/2009 và Từ Nguyễn Thùy Trân, sinh ngày 18/9/2012. Hiện nay hai con đang sống cùng anh T. Tại đơn khởi kiện, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Từ Nguyễn Thùy Trân và đồng ý giao con tên Từ Sỹ Minh T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng tại bản khai và biên bản hòa giải không thành chị D thay đổi yêu cầu nuôi con. Chị D đồng ý giao hai con tên T1 và tên Trân cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do anh Từ Sỹ Minh T vắng mặt nên chị yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Từ Sỹ Minh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể T1 hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn anh Từ Sỹ Minh T. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Phú Xuân, thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng D sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Từ Sỹ Minh T đã được tống đạt các văn bản tố tụng và được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh T tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng D sự, Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Từ Sỹ Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân D thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc theo giấy đăng ký kết hôn số 64 ngày 01/6/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo chị D trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan T nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu về là chửi bới, xúc phạm và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng anh T vẫn chứng nào tật đó, không thay đổi. Vợ chồng mâu thuẫn càng ngày trầm trọng, không thể hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Từ Sỹ Minh T.

Xét mâu thuẫn của chị D và anh T đã trầm trọng, thể hiện qua việc khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị D thì anh T không có ý kiến hay tác động gì để hàn gắn gia đình mà bỏ mặc; khi tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh T vắng mặt không tham dự hòa giải. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Từ Sỹ Minh T thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống chung. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Từ Sỹ Minh T có hai con chung tên Từ Sỹ Minh T1, sinh ngày 12/12/2009 và Từ Nguyễn Thùy Trân, sinh ngày 18/9/2012. Hiện nay hai con đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý giao hai con cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ ngày chị D và anh T sống ly thân, anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

hai cháu T1 và Trân. Tại bản khai ngày 18/5/2023, cháu T1 và cháu Trân có nguyện vọng khi ba mẹ ly hôn, hai cháu muốn sống chung với cha. Do đó, để không làm thay đổi môi trường sống của hai cháu T1 và cháu Trân nên giao hai con chung tên Từ Sỹ Minh T1, sinh ngày 12/12/2009 và Từ Nguyễn Thùy Trân, sinh ngày 18/9/2012 cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí*:* Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng D sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Từ Sỹ Minh T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng D sự; khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng D sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Từ Sỹ Minh T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Từ Sỹ Minh T1, sinh ngày 12/12/2009 và Từ Nguyễn Thùy Trân, sinh ngày 18/9/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014590 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh Từ Sỹ Minh T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/8/2023). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND thị trấn Phú Long, H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Kim Hoa